

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Hoàng Ngọc Tuấn

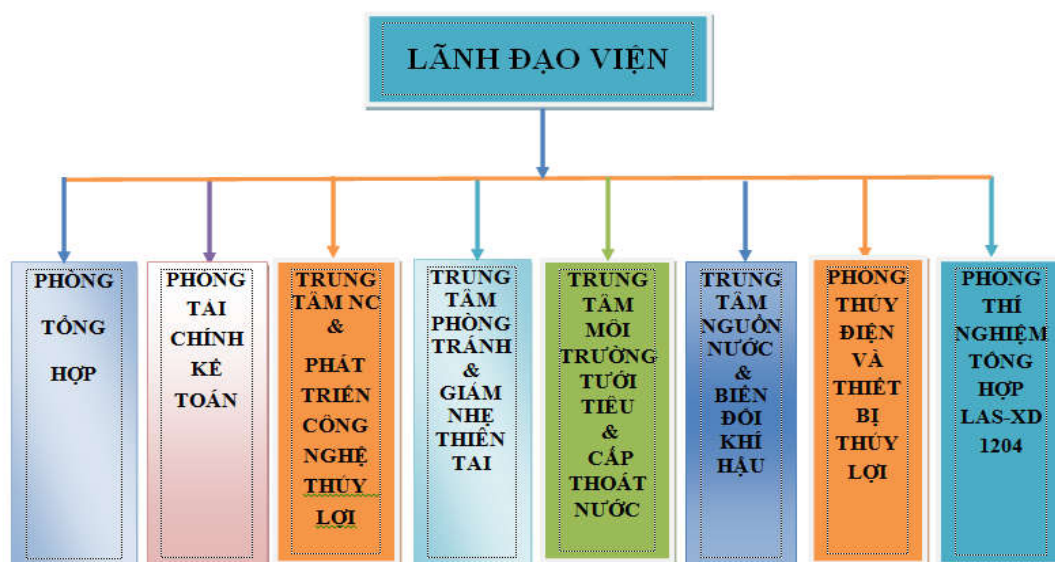
Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi Miền Trung và Tây Nguyên

PHẦN 1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆN

Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên là Viện vùng trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Viện được thành lập trên cơ sở tiền thân là Trung tâm Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên được thành lập từ năm

2000. Từ khi thành lập đến nay Bộ máy tổ chức của Viện đã dần đi vào ổn định với số lượng cán bộ tăng từ 20 người lên 53 người hiện tại, trong đó có: 4 tiến sĩ, 1 NCS TS, 14 thạc sĩ, 35 kỹ sư, cử nhân và cán bộ kỹ thuật.

Cơ cấu tổ chức của Viện gồm: Ban lãnh đạo Viện (Viện trưởng và các Phó Viện trưởng); 2 phòng chức năng; 6 trung tâm và phòng chuyên môn.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Viện

Cơ sở vật chất của Viện ngày càng được đầu tư và khang trang hơn tạo môi trường làm việc ổn định cho các cán bộ CNVC, trụ sở chính đặt tại số 132, đường Đống Đa, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, cơ sở 2 có diện tích 1,4 ha đặt tại xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Từ một căn nhà 2 tầng những ngày đầu thành lập, đến nay trụ sở chính đã được đầu tư nâng cấp thành tòa nhà 4 tầng khang trang, đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tạo môi trường làm việc ổn định cho các CBVC.

Tại cơ sở 2 ở xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng cũng từng bước được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác thí nghiệm tổng hợp (Môi trường, Địa chất, kết cấu, vật liệu xây dựng, khảo sát địa hình, thủy hải văn và thăm dò địa vật lý) với các thiết bị hiện đại như: Máy định vị vệ tinh HiPer V (được sử dụng khảo sát địa hình có độ chính xác cao); Máy điện đa cực ARES (Khảo sát Địa vật lý, xác định ẩn họa mối, vùng thấm của đập đất, các khối trượt, sạt lở đất); Máy uốn kéo

nén vana năng 100 tấn; hệ máy nén tam liên, máy đo sâu hồi âm HD 370,...thiết bị đo độ mặn, trạm đo khí tượng đa năng v.v.. và các thiết bị thí nghiệm trong phòng) giúp cho Viện có thể nghiên cứu, ứng dụng và giải quyết các nhiệm vụ đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực của ngành như : Lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, an toàn hồ đập, sạt lở đất, nguồn nước, môi trường ... một cách hiệu quả nhất.

PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀO CUỘC SỐNG

Trong những năm qua Viện đã tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu theo định hướng và chiến lược phát triển Viện cũng như bám sát vào các Luật, Nghị định mới ban hành có tác động đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên: lĩnh vực phòng chống thiên tai, tài nguyên nước, chỉnh trị sông và bờ biển, cấp thoát nước, môi trường, đào tạo và hợp tác quốc tế.

Trong 10 năm qua Viện đã thực hiện 21 đề tài trong đó 05 đề tài cấp Nhà nước, 11 đề tài và nhiệm vụ cấp Bộ, 06 đề tài cấp tỉnh. Những đề tài này đã góp phần không nhỏ giải quyết những vấn đề còn nóng, cấp bách, mang tính thời sự đối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Ngoài NCKH Viện đã tư vấn khảo sát, thiết kế gần 150 công trình các loại. Các đề tài khoa học do Viện thực hiện đều có tính thực tiễn cao trong thực tế. Cùng với NCKH, Viện xác định dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ là một trọng tâm có tính đột phá không những nâng cao tầm và thế cho Viện mà còn góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Các dự án Viện thực hiện luôn hoàn thành theo đúng tiến độ và chất lượng đề ra, được Bộ, và các địa phương đánh giá cao. Viện dần trở thành một địa chỉ có thương hiệu và uy tín của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Trong 10 năm qua, với vai trò là một Viện vùng, Viện KHTL miền Trung và Tây Nguyên đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận trong các

lĩnh vực do mình phụ trách, có thể kể đến như:

2.1. Lĩnh vực phòng, chống thiên tai

Thiên tai là vấn đề hệ trọng đối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gây nhức nhối cho các nhà quản lý, ảnh hưởng nghiêm trọng tới các hoạt động KTXH cũng như đời sống của nhân dân; với vai trò là cơ quan khoa học đóng trên địa bàn, Viện đã từng bước giúp cho một số địa phương tháo gỡ khó khăn, tìm ra hướng giải quyết vấn đề.

- Về lũ lụt:

Các kết quả nghiên cứu của Viện tập trung vào tính toán, mô phỏng quá trình thủy văn, thủy lực dòng sông, xây dựng bản đồ ngập lụt cho các lưu vực sông và hạ du hồ chứa, đề xuất phương án giảm thiểu thiệt hại, ứng phó với các tình huống khẩn cấp theo các kịch bản, trên cơ sở ứng dụng các công cụ phần mềm tính toán hiện đại, kết hợp với công nghệ truyền tin trực tuyến để theo dõi, giám sát, điều hành và hỗ trợ ra quyết định. Có thể nêu một số đề tài, dự án tiêu biểu như: Xây dựng bản đồ ngập lụt lưu vực Sông Sê San (Gia Lai,Kon Tum), sông Kôn Hà Thanh (Bình Định),Rào Cái (Hà Tĩnh),... và ngập lụt hạ lưu sau hồ chứa: Hòa Trung, Đồng Nghệ (Đà Nẵng), Thạch Bàn (Quảng Nam), Iamor (Gia Lai), hồ Kẻ Gỗ (Hà Tĩnh), các hồ chứa của tỉnh Đắk Lắk, và các ngầm tràn khu vực miền Trung v.v. đề xuất công trình chỉnh trị bờ sông Vĩnh Điện (Đà Nẵng), sông Vu Gia - Thu Bồn.

- Về hạn hán:

Viện tập trung vào nghiên cứu các giải pháp nhằm chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước thông qua tính toán cân bằng nước, kiểm đếm nguồn nước cho các lưu vực/hồ chứa, xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý, nghiên cứu áp dụng các công nghệ tưới hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng,... Hiện nay, Viện đang xây dựng Bộ phần mềm lập kế hoạch sử dụng nước các hồ chứa phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh

cho TP. Đà Nẵng, giúp cho lãnh đạo Thành phố chủ động hơn trong điều hành, ra quyết định nhằm ứng phó với tình trạng thiếu nước. Ngoài ra, Viện cũng được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao 03 nhiệm vụ “Nghiên cứu giải pháp phát triển công trình thủy lợi nhỏ gắn với tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực Tây Nguyên nhằm ứng phó với hạn hán” và “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ chỉ đạo điều hành phòng, chống hạn hán trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn”, nhiệm vụ thường xuyên: Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác các CTTL cho các tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia, Thu Bồn (tỉnh Quảng Nam, TP. Đà Nẵng) và lưu vực sông Trà Bồng, Trà Khúc (tỉnh Quảng Ngãi); và nhiệm vụ Cấp Tỉnh “Đánh giá khả năng cung cấp nước mặt của hệ thống sông, suối và hồ đập phục vụ nông nghiệp tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao của tỉnh Đắk Lắk”,... những thành quả nghiên cứu này đang đóng góp một phần không nhỏ trong việc chủ động phòng chống hạn hán, nâng cao đời sống cho người dân các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

- Lũ quét, sạt lở đất

Trong những năm trở lại đây, lũ quét và sạt lở đất diễn ra nhiều bất thường không chỉ ở các tỉnh miền núi phía Bắc mà còn ở các tỉnh của miền Trung như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa,... cướp đi sinh mạng của nhiều người. Đứng trước tình hình đó, Viện cũng đã chủ động trong công tác nghiên cứu nhằm tìm ra giải pháp phòng, chống hiệu quả đặc biệt chú trọng đến công nghệ dự báo, cảnh báo sớm nhằm phát hiện và tìm ra những khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, Viện đã đầu tư các máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu, tư vấn thực tế như: máy thăm dò địa vật lý đa cực ARES của Mỹ, thiết bị cảm biến đo chuyển vị của khối trượt,... hiện nay đã bắt đầu nghiên cứu ứng dụng để dự báo và cảnh báo sớm sạt lở đất cho các huyện miền núi của tỉnh Quảng

Nam (huyện Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn); Đắk Lắk, Kon Tum và một số địa phương khác.

- An toàn đập và hồ chứa.

Viện đã thực hiện nhiều dự án liên quan đến kiểm định an toàn đập, hồ chứa như: Hồ Hòa Trung và hồ Đồng Nghệ (Đà Nẵng); dự án đảm bảo an toàn hồ chứa như: hồ Hòa Trung, Cụm 8 hồ chứa vừa và nhỏ của TP. Đà Nẵng), hồ Khe Tân (Quảng Nam).

2.2. Lĩnh vực Tài nguyên nước

Hiện nay do áp lực phát triển kinh tế xã hội ngày càng lớn cùng với đó là ảnh hưởng khốc liệt của biến đổi khí hậu đã làm cho nguồn nước ngày càng cạn kiệt không đáp ứng đủ nhu cầu cho phát triển kinh tế, chính vì vậy việc tính toán, dự báo và đánh giá tài nguyên nước (cả nước mặt và nước ngầm) có ý nghĩa hết sức quan trọng hơn bao giờ hết. Nắm bắt được tình hình đó, Viện đã phối hợp, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để nghiên cứu về lĩnh vực tài nguyên nước như: Viện nghiên cứu chuyển đổi xã hội và môi trường ISET- Hoa Kỳ, Quỹ Rockefeller (Mỹ), Văn phòng BCD ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng thành phố Đà Nẵng (CCCCO), Sở Nông nghiệp và PTNT một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên,... để tính toán, dự báo, đánh giá nguồn tài nguyên nước trên các lưu vực sông cũng như các địa phương nhằm kiểm đếm nguồn nước hiện có, dự báo tương lai theo các kịch bản, cũng như nhu cầu nước tương ứng để từ đó đưa ra giải pháp giúp các cơ quan quản lý và chính quyền chủ động thích ứng với tình hình thực tế.

2.3. Lĩnh vực Môi trường, tưới tiêu, cấp thoát nước phục vụ sinh hoạt và thủy sản

Về môi trường: Viện đã thực hiện nhiều dự án về đánh giá tác động môi trường phục vụ xây dựng hồ, đập trên địa bàn các tỉnh như: Cụm hồ La Ngà, Trúc Kinh, Hà Thượng (tỉnh Quảng Trị), Cụm các hồ vừa và nhỏ của TP Đà Nẵng

(thuộc dự án WB5); Khảo sát mặn trên sông Thu Bồn (Quảng Nam)...

Về tưới tiêu và cấp thoát nước, Viện cũng đã nghiên cứu đề xuất các giải pháp và công nghệ cấp nước mặn phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng Nam Trung Bộ phù hợp với các vùng đặc trưng và quy mô khác nhau thông qua Đề tài KHCN độc lập cấp Nhà nước. Trong đó đã triển khai thiết kế và thi công 2 mô hình mẫu cấp nước cho khu nuôi trồng thủy sản với quy mô nhỏ (tại Xã Tam Hòa Núi thành, Quảng Nam) và quy mô tập trung (Xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận). Ngoài ra, Viện đã nghiên cứu ứng dụng công nghệ Bơm va, bơm thủy luân phù hợp với điều kiện thực tế của khu vực miền núi Trung Bộ nhằm cấp nước sinh hoạt và tưới cho cây ăn quả và sản phẩm là đã xây dựng 01 mô hình mẫu cấp nước bằng bơm Va cho 100 hộ dân, tạo nguồn cấp nước tưới cho khoảng 10ha cây ăn quả ở xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, được hội đồng khoa học của Thành phố Đà Nẵng đánh giá rất cao về tính ứng dụng và trong thời gian tới sẽ cho triển khai nhân rộng mô hình này.

Ở địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Viện đã thực hiện nhiều dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ liên quan đến cấp, thoát nước ở các tỉnh như: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum,... được lãnh đạo cũng như người dân trên khu vực đón nhận và đánh giá cao.

2.4. Lĩnh vực chỉnh trị sông và Bờ biển

Trong nhiều năm trở lại đây, tình hình xói lở bờ sông, cửa sông và bờ biển diễn ra phức tạp, đặc biệt là đối với các tỉnh miền Trung, nhiều bãi biển đẹp có nguy cơ bị xói sạt, ảnh hưởng nặng nề tới sinh kế của người dân. Trước vấn đề đó, các cán bộ của Viện đã chủ trì nghiên cứu xác định nguyên nhân, cơ chế gây xói lở, từ đó đề xuất giải pháp chỉnh trị cho một số sông. Có thể kể đến một số đề tài, dự án điển hình như: Đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đánh giá biến động cực trị các yếu tố khí tượng thủy văn biển, tác động của chúng tới môi trường, phát

triển kinh tế xã hội và đề xuất giải pháp phòng tránh cho các đảo đông dân cư thuộc vùng biển miền Trung”; Đề tài KC.08/11-15 “Điều tra, nghiên cứu, đánh giá thực trạng và nguy cơ lũ lụt, sạt lở đất khu vực sông Sê San và đề xuất các giải pháp phòng tránh và giảm thiểu”. Các dự án chỉnh trị sông Vĩnh Điện, Vu Gia, Quảng Huế (Quảng Nam - Đà Nẵng), suối Hội Phú (Gia Lai)... góp phần giảm thiểu thiệt hại, tăng tính ổn định cho các khu vực dân cư sinh sống hai bên sông.

2.5. Lĩnh vực đào tạo và hợp tác Quốc tế.

Đối với lĩnh vực đào tạo: Trong 10 năm qua, các cán bộ của Viện đã tích cực phối hợp với các Trường Đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo nhiều sinh viên, học viên cao học. Viện cũng là địa chỉ cho sinh viên các trường Đại học đóng trên địa bàn đến thực tập, học hỏi kinh nghiệm. Một số cán bộ của Viện thường xuyên được các trường như Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Đại học Thủy lợi mời tham gia Hội đồng chấm luận văn cao học, luận án tiến sĩ, giảng dạy, hướng dẫn học viên cao học, ... Ngoài ra, Viện cũng mở các lớp đào tạo, tập huấn về các lĩnh vực: Quản lý nguồn nước, phòng chống thiên tai, tưới tiết kiệm nước,... góp phần không nhỏ vào công tác bổ sung nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên, đồng thời thông qua đó đã đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cho Viện.

Đối với vấn đề hợp tác:

Hợp tác trong nước: Viện đã tổ chức ký hợp tác toàn diện với một số đơn vị như: Chi cục Phòng chống thiên tai khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Quỹ phát triển hệ thống cỏ Vetiver thành phố Đà Nẵng, Công ty công nghệ truyền thông Netplus,... Ngoài ra, Viện cũng thường xuyên hợp tác chặt chẽ với nhiều trường, Viện, Sở, ngành, doanh nghiệp,... trong công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tư vấn về lĩnh vực thủy lợi.

Hợp tác quốc tế: Với tinh thần luôn phấn đấu

học hỏi các bước tiến mới, công nghệ mới của nước ngoài trong lĩnh vực nghiên cứu của mình, Viện cũng đã nỗ lực phối hợp với các cơ quan, tổ chức nghiên cứu quốc tế như: Quỹ Rockefeller (Mỹ), Viện Chuyển đổi môi trường và xã hội Hoa Kỳ (ISET), tổ chức Lucci (Đức), Cơ quan phát triển AFD,... nghiên cứu về tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, ứng phó với biến đổi khí hậu. Viện cũng đã đồng tổ chức 01 hội thảo Quốc tế về cửa sông và bờ biển tại Hội An (2017), mở các hội thảo, cinema với một số chuyên gia quốc tế đến từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Pháp.

2.6. Khen thưởng

Mặc dù tuổi đời còn khá non trẻ, nhưng với những nỗ lực và cống hiến của mình trong công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao các công nghệ về thủy lợi, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai,... Viện đã được các Bộ, Ngành và địa phương đánh giá cao, thể hiện qua các giải thưởng, bằng khen dành cho các cá nhân và tập thể như: Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2012, Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ năm 2012, năm 2015, Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ NN&PTNT năm 2013, năm 2014 và nhiều khen thưởng khác.

PHẦN 3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Những thành tựu đã đạt được trong 10 năm thành lập Viện và 18 năm từ khi thành lập Trung tâm KHTL miền Trung và Tây Nguyên chính là kết quả của sự nỗ lực không mệt mỏi của tập thể ban lãnh đạo, cán bộ viên chức và người lao động. Tuy nhiên, không vì thế mà tự thỏa mãn bởi vì phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: điều kiện phát triển xã hội thay đổi một cách nhanh chóng đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến ngày càng khốc liệt, khó lường mà khu vực miền Trung Tây Nguyên chính là vùng tâm điểm bị ảnh hưởng lớn; nhiều Luật, Nghị định liên quan đến ngành có hiệu lực

như Luật Thủy lợi, Luật Phòng chống thiên tai, Luật Tài nguyên nước; Nghị định 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập và hồ chứa nước; hay Nghị quyết 18, 19, của Ban chấp hành TW liên quan đến tinh giản và nâng cao hoạt động hiệu quả hoạt động bộ máy ...

Đây là những thách thức rất lớn nhưng đồng thời đó cũng là cơ hội cho Viện thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm xứng đáng với vai trò của Viện vùng của Viện KHTL Việt Nam đóng trên địa bàn khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Với quan điểm *“Lấy nghiên cứu khoa học làm nền tảng cơ sở, lấy chuyển giao công nghệ làm động lực phát triển, lấy tư vấn dịch vụ làm ổn định phát triển và hợp tác quốc tế tạo đột phá phát triển”*, trong giai đoạn mới Viện sẽ tập trung thực hiện các mục tiêu sau:

Xây dựng Viện KHTL miền Trung và Tây Nguyên với sứ mệnh là một Viện vùng đại diện cho Viện KHTL Việt Nam giải quyết các vấn đề KHCN thuộc lĩnh vực thủy lợi; phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và là cầu nối cho các Viện chuyên ngành ứng dụng các kết quả nghiên cứu trên khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Xây dựng Viện phát triển toàn diện, vững mạnh cả con người và vật chất trở thành một đơn vị KHCN đứng đầu trong khu vực về lĩnh vực thủy lợi, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

a) Hệ thống bộ máy:

Đáp ứng được các yêu cầu của Nghị định 115/2005/ NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị công lập, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế. Bộ máy không cần đông người mà chỉ cần người có trình độ, năng lực, đủ số lượng đáp ứng được theo chức năng nhiệm vụ.

Khối chức năng phải thật sự là nòng cốt tham mưu, giúp việc đắc lực cho Lãnh đạo Viện. Khối chuyên môn phải là các mũi nhọn của

Viện theo chức năng, nhiệm vụ phân công để đạt được mục tiêu đề ra. Với 5 trung tâm nghiên cứu theo chức năng của mình sẽ hình thành các hướng nghiên cứu mũi nhọn nhằm tạo ra sản phẩm riêng cho mình. Mỗi trung tâm phải có một sản phẩm công nghệ cốt lõi làm hạt nhân để phát triển đơn vị.

b) Xây dựng được đội ngũ cán bộ, viên chức:

Đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với nghề nghiệp, gắn bó lâu dài với Viện đáp ứng nhiệm vụ được giao.

c) Khoa học và công nghệ:

Viện tập trung hình thành các mũi nhọn nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao vào thực tế sau: Dự báo hạn hán, xâm nhập mặn (tập trung dự báo nguồn nước) phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dự báo lũ lụt, đề xuất các giải pháp và Đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, tưới tiết kiệm nước.

Đến năm 2020 các đề tài nghiên cứu tập trung vào những nhiệm vụ sau:

Dự báo hạn hán, xâm nhập mặn và đề xuất các giải pháp phù hợp cho vùng ven biển Trung Bộ, Tây Nguyên cụ thể cho các lưu vực sông Vu Gia, Thu Bồn (Quảng Nam, Đà Nẵng), sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ (tỉnh Quảng Ngãi). Dự báo lũ lụt, xây dựng, cập nhật mới các bản đồ ngập lụt cho các lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn, sông Trà Khúc, Vệ, Trà Bồng, hạ lưu các hồ chứa phục vụ phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai. Giải pháp phòng chống thiên tai bằng biện pháp phi công trình trong đó ưu tiên hướng giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng. Giải pháp đảm bảo an toàn cho các hồ đập vừa và nhỏ khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Nghiên cứu các giải pháp để sử dụng tối ưu nguồn nước của các hồ đập trên địa bàn miền Trung & Tây Nguyên;

Làm chủ và hoàn thiện 3 công nghệ như: Công nghệ thu, trữ nước kết hợp tưới tiên tiến, tiết

kiệm nước cho cây ăn quả, cây công nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên; Công nghệ cấp nước mặn phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Nam Trung Bộ; Công nghệ cảnh báo sớm tại các ngầm tràn. Phần đầu có (30 - 35%) kết quả nghiên cứu của các đề tài được chuyển giao vào sản xuất, có từ 03 - 05 bài báo đăng lên tạp chí quốc tế.

**** Đến năm 2030 các đề tài nghiên cứu tập trung vào những nhiệm vụ sau:***

Phát huy các thành tích đã được của giai đoạn trước, trong giai đoạn này tập trung nghiên cứu dự báo hạn hán, xâm nhập mặn và đề xuất các giải pháp phù hợp cho các lưu vực còn lại trên khu vực miền Trung và Tây Nguyên; cơ bản hoàn thành việc xây dựng khung quản lý lũ và quản lý hạn tổng hợp cho các lưu vực khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Dự báo sạt lở bờ sông, bờ biển, cửa sông ven biển khu vực miền Trung. Đề xuất các giải pháp phù hợp. Các giải pháp cải tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng các trạm bơm điện trên lưu vực Vu Gia Thu Bồn. Giải pháp đảm bảo an toàn cho các hồ đập vừa và nhỏ khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Phần đầu (40 -50%) kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tế, có từ 8 - 10 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế.

d) Đào tạo Sau Đại học và cung cấp dịch vụ đào tạo:

Tiến trình tham gia đào tạo Sau Đại học, liên kết

phương trình liên kết tại v.v.v. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức về chính sách phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, tưới tiết kiệm nước trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; giới thiệu trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước về quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi nhằm giúp đỡ, hỗ trợ các địa phương.

e) Hợp tác quốc tế:

Thiết lập và duy trì chương trình hợp tác toàn diện, lâu dài với 3 đến 5 tổ chức (Viện nghiên

cứu, trường đại học, các tổ chức khác) Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Châu Á .

g) Về xây dựng cơ sở vật chất:

Hoàn thiện thêm phòng làm việc tại trụ sở chính cũng như đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị đồng bộ phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ mũi nhọn của Viện tại Cơ sở 2 Hòa Nhơn;

LỜI KẾT

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập, tập thể lãnh đạo và cán bộ, viên chức Viện KHTL miền Trung và Tây Nguyên xin được chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Lãnh đạo, các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Quốc Phòng (QK5); Viện KHTL Việt Nam, Chính quyền, Sở ngành của các địa phương Khu vực miền trung & Tây Nguyên đặc biệt là các Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.v.v. đã hết sức tạo điều kiện giúp đỡ Viện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Cám ơn các thể hệ lãnh đạo Viện qua các thời kỳ như: TS. Chu Phụng Chí, ThS. Vũ Đức Hùng (nay là Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ NN&PTNT), KS. Nguyễn Hoàng Thao (nguyên Giám đốc Trung tâm); PGS.TS. Nguyễn Văn Bản, GS.TS. Trần Đình Hòa (nguyên Viện trưởng, nay là PGĐ Viện KHTL VN) và các CBCNV đã từng công tác tại Viện.

Chúng tôi tin tưởng rằng trên đà phát triển đó Viện sẽ tiếp tục phấn đấu vươn lên, sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy tối đa năng lực, sở trường của mỗi người, tạo sự đồng thuận, tập thể đoàn kết, phù hợp với cơ chế mới để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; vượt qua thử thách, đón đầu những vận hội mới để Viện ngày càng phát triển xứng đáng với sự tin tưởng, giao phó của lãnh đạo Bộ NN&PTNT, Viện KHTL Việt Nam cũng như các địa phương trên khu vực miền Trung và Tây Nguyên ./.